

## **Nhìn lại cuộc chiến Việt-Trung năm 1979**

**Trương Tiểu Minh**  
*Air War College*  
Montgomery, Alabama, Mỹ

Nguyên tác:

Xiaoming Zhang, “**China’s 1979 War with Vietnam: A Reassessment**”  
*The China Quarterly*, bộ 184, tháng 12 năm 2005, trang 851-874

*Lời người dịch: Thảm thoát đã hơn 30 năm từ ngày cuộc chiến Việt-Trung nổ ra năm 1979, và mặc dù cả hai nước đều cho là mình đã thắng, số lượng tài liệu được Trung Quốc và Việt Nam công bố về cuộc chiến tranh này vẫn còn rất ít. Bài viết dưới đây của một học giả gốc người Trung Quốc (hiện giảng dạy tại trường Cao Đẳng Không Chiến (Air War College) thuộc Bộ Không Quân Mỹ) được đăng vào năm 2005 trên tờ China Quarterly, một tạp chí quốc tế có uy tín xuất bản tại Anh, là một công trình học thuật đáng chú ý về cuộc chiến tranh này. Để giữ sự trung thực so với nguyên bản, người dịch đã cố gắng truyền đạt cách diễn tả của tác giả. Khi đọc bài này, nhiều độc giả Việt Nam có thể sẽ cho rằng một số nhận xét của tác giả là rất chủ quan và nhiều vấn đề là khá nhạy cảm. Tuy nhiên bài viết này, ở mức độ nào đó, cung cấp nhiều thông tin đã được kiểm chứng và có giá trị sử liệu. Hy vọng bài viết này cũng tạo nên một sự thôi thúc để Trung Quốc, và đặc biệt là chính quyền Việt Nam, cung cấp thêm nhiều thông tin và bằng chứng để các nhà sử học cũng như thế hệ tương lai có một cái nhìn đầy đủ và chính xác hơn về cuộc chiến tuy ngắn ngủi nhưng đẫm máu*

này.

Mục đích của bài báo này là nhằm trình bày về cuộc chiến tranh giữa Trung Quốc và Việt Nam vào năm 1979. Bài báo nhắc lại những mối quan hệ lịch sử giữa Trung Quốc với Việt Nam và ảnh hưởng của những mối quan hệ này lên những toan tính chiến tranh của Bắc Kinh, cũng như vai trò của Đặng Tiểu Bình, chiến lược quân sự và sự chuẩn bị của Trung Quốc cho cuộc tấn công. Bài báo cũng chỉ ra cách thức tiến hành chiến tranh của Bắc Kinh mang màu sắc đặc thù Trung Quốc như thế nào: tính toán khi nào và sử dụng ra sao sức mạnh quân sự, mục tiêu quan trọng trong chiến tranh, và cơ sở trong việc nhận định về thắng lợi. Bài báo cũng điềm lại những hậu quả của cuộc xung đột ở cả hai lĩnh vực chính trị và quân sự, những bài học đã được rút tĩa dưới con mắt của chính người Trung Quốc.

Đầu năm 1979 Trung Quốc đã xâm lược Việt Nam, theo cách nói của lãnh đạo Trung Quốc là để “dạy cho Việt Nam một bài học” nhớ đời. Mặc dầu Bắc Kinh tự cho là đã thắng lợi nhưng nói chung trong giới học giả vẫn tồn tại nhiều tranh cãi cho rằng cuộc chiến tranh đã không diễn ra như Trung Quốc mong đợi vì trong cuộc xung đột này Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc (QGPND) đã tác chiến hết sức tội tệ. Chính Trung Quốc chứ không phải Việt Nam đã rút ra một bài học từ cuộc chiến này. Các tài liệu của Trung Quốc về cuộc chiến tranh này vẫn được niêm phong rất cẩn mật do đó các thông tin về cuộc chiến không chỉ chấp vá chủ quan mà còn đáng ngờ về tính xác thực. Mặc dù đã có một ít tài liệu bằng tiếng Anh, nhưng phần nhiều chỉ là đồn đoán và không chính xác, lưu truyền không chính thức ở Hồng Kông và Đài Loan. Gần đây do việc kiểm soát thông tin của Bắc Kinh có phần lỏng lẻo hơn nên nhiều tài liệu lưu hành nội bộ về khả năng và kinh nghiệm của QGPND trong chiến tranh 1979 đã thấy xuất hiện rải rác trong các thư viện tại Mỹ và có thể truy cập trên Internet. Thêm vào đó, hồi ký của một số sĩ quan cao cấp Trung Quốc cũng đã cho thấy nhiều thông tin giá trị.

Dựa trên các tư liệu nghiên cứu của một số học giả hàng đầu, bài viết này cố gắng trình bày cái nhìn của người Trung Quốc đối với cuộc chiến Việt-Trung năm 1979. Đầu tiên là thảo luận về các mối quan hệ lịch sử giữa Trung Quốc và Việt Nam và ảnh hưởng của các mối quan hệ này trên quyết định tấn công Việt Nam của Bắc Kinh, cũng như vai trò của Đặng Tiểu Bình. Kế đến là xét lại vai trò của QGPND bao gồm chiến thuật, chiến lược của Trung Quốc cho cuộc xâm lăng và những quan điểm riêng của QGPND về vận hành bộ máy quân sự. Cuối cùng là điềm lại những tác động của cuộc xung đột, trên cả hai lĩnh vực chính trị cũng như quân sự, và những bài học rút ra bởi chính người Trung Quốc. Bài báo cũng đưa ra những dẫn chứng về cách thức tiến hành chiến tranh của Bắc Kinh, chỉ ra tính đặc thù kiểu Trung Quốc trong tác chiến: không ngần ngại sử dụng sức mạnh quân sự sau khi tính toán một cách cẩn thận khi nào và sử dụng ra sao; mục tiêu quan trọng của QGPND là giành và giữ thế chủ động trong tác chiến, và nền tảng cơ bản mà người Trung Quốc đã dựa vào đó để đánh giá thành công về mặt quân sự, đó là lợi thế địa chính trị hơn là hiệu

suất tác chiến. Mặc dù đã bị người Việt Nam làm khốn đốn nhưng QGPND đã hoàn thành được mục tiêu chiến lược của Bắc Kinh, buộc Việt Nam phải chia lửa cho phòng tuyến ở biên giới phía bắc, và buộc quốc gia này phải giảm phiêu lưu quân sự ở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, QGPND vẫn chưa rút ra được bài học từ cuộc chiến tranh này, đó là truyền thống và triết lý quân sự của Trung Quốc đã quá lỗi thời, điều này có thể cản trở công cuộc hiện đại hóa thay đổi bộ mặt của Trung Quốc trên trường quốc tế.

## **Yếu tố văn hóa lịch sử**

Bắc Kinh và Hà Nội đã từng là đồng minh thân thiết kể từ cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất vào những năm đầu thập niên 1950. Thế thì tại sao sau đó nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa lại đi đến quyết định tiến hành chiến tranh với nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào cuối năm 1978? Theo lý lẽ của Bắc Kinh thì dường như nguyên nhân là do “giấc mộng xung bá” của Hà Nội ở khu vực Đông Nam Á; gây hấn ở biên giới với Trung Quốc và xâm phạm vào lãnh thổ của Trung Quốc; ngược đãi người Hoa ở Việt Nam; đi theo Liên Xô trong lúc nước này đang muốn mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á. Các nhà quan sát vào thời điểm đó và nhiều nghiên cứu sau này cho rằng mục tiêu hàng đầu của Bắc Kinh là làm giảm bớt áp lực quân sự lên Campuchia, buộc quân đội Việt Nam phải chia lửa ở mặt trận thứ hai. Robert Ross (học giả người Mỹ, hiện là giáo sư ở Boston College - ND) thì cho rằng việc Trung Quốc sử dụng quân đội chống lại Việt Nam không phải là phản ứng trước sự bành trướng của Hà Nội ở Đông Dương mà là phản ứng trước sự về hòa của Việt Nam với Liên Xô nhằm bao vây Trung Quốc từ Đông Nam Á. Những nghiên cứu khác lại cho rằng Trung Quốc hành động như thế để làm mất thế diện của Liên Xô, nước đang đóng vai trò như một đồng minh tin cậy của Hà Nội trong trường hợp xảy ra khủng hoảng.

Trong một nghiên cứu về mối quan hệ của Bắc Kinh với Hà Nội trước chiến thắng 1975, Trại Cường (Zhai Qiang) tác giả cuốn *China and the Vietnam Wars, 1950-1975* -- ND) đã cho rằng “chính sách thực dụng không chỉ là lời nói suông” được phát đi từ các nhà lãnh đạo Trung Quốc khi đề cập đến các mối quan hệ quốc tế. Mặc dầu họ tuyên bố chính họ là những môn đồ của chủ nghĩa quốc tế Mác-Lênin song họ lại kế thừa hoàn toàn cái di sản lịch sử của Trung Hoa: quan niệm Đại Hán theo đó Trung Quốc là cái nôi của thế giới. Các quốc gia nhỏ bé khác bên ngoài Trung Quốc, trong đó có Việt Nam, là man di và phải là những chư hầu trong vùng ảnh hưởng của Trung Quốc. Mặt khác, “niềm kiêu hãnh lịch sử và độ nhạy cảm văn hóa” là nhân tố chính có ảnh hưởng đến thái độ của người Việt Nam đối với Trung Quốc. Suốt chiều dài lịch sử của mình, người Việt Nam đã thích thú khi vay mượn và bắt chước nền văn minh cũng như thể chế Trung Quốc để làm nên bản sắc riêng, nhưng họ lại rất sắt đá trong việc bảo tồn di sản văn hóa và nền độc lập của họ. Họ yêu cầu Trung Quốc giúp đỡ khi gặp khó khăn nội bộ, nhưng khi họ giành được tự do

và thống nhất đất nước thì họ lại quay ra thù địch với Trung Quốc. Những hình ảnh được khắc ghi trong lòng các lãnh tụ và nhân dân hai nước về tình hữu nghị giữa hai quốc gia dường như đã đóng một vai trò đáng kể trong quyết định của Bắc Kinh khi tiến hành cuộc tấn công trừng phạt chống lại Việt Nam.

Từ đầu những năm 1950, Trung Quốc đã là người hậu thuẫn mạnh mẽ của Hà Nội trên cả hai lĩnh vực quân sự lẫn chính trị. Trung Quốc đã giúp đỡ Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng chống lại Pháp và đánh đuổi xâm lược Mỹ. Những nghiên cứu ngày nay đã chỉ ra rằng chính sách của Trung Quốc dành cho Hà Nội trong hai cuộc chiến tranh Đông Dương đầu tiên là xuất phát từ việc cân nhắc nhiều mặt từ truyền thống lịch sử đến ý thức hệ cách mạng và an ninh quốc gia. Tuy nhiên, thái độ bề trên của Bắc Kinh vẫn thống trị tư tưởng của họ trong quan hệ với Việt Nam. Mặc dầu các lãnh tụ Trung Quốc lập đi lập lại tuyên bố rằng Việt Nam sẽ được đối xử “bình đẳng” nhưng Trần Kiên (Chen Jian) lại thấy rằng chính những phát biểu hùng biện đó đã phản ảnh niềm tin mạnh mẽ rằng “họ đã nắm được vị thế để có thể chi phối mọi quan hệ với các nước láng giềng”. Bắc Kinh luôn nói rằng họ không bao giờ gây sức ép về chính trị và kinh tế thông qua viện trợ vật chất và quân sự khổng lồ cho Hà Nội, nhưng họ lại muốn Hà Nội phải thừa nhận vai trò lãnh đạo của Trung Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc trong khu vực và trên thế giới. Thái độ này của Trung Quốc đã khiến Việt Nam, một quốc gia rất nhạy cảm với quá khứ đầy rẫy những rắc rối với Trung Hoa, trở nên tức giận. Mặc dầu có lúc Bắc Kinh và Hà Nội gọi nhau là “những người đồng chí anh em” nhưng sự thật thì mối ác cảm của người Việt Nam đối với Trung Quốc đã được Bắc Kinh nhận thức một cách rõ ràng

Một tài liệu của Trung Quốc đề cập đến chiến tranh 1979 đã ghi lại những hoạt động được coi là thù nghịch của Việt Nam từ sau năm 1975 đã làm tổn thương mạnh đến quan niệm bề trên của người Trung Quốc. Bộ Chính Trị Việt Nam đã thông qua một chính sách coi đế quốc Mỹ là kẻ thù lâu dài nhưng lại coi Trung Quốc là “kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp nhất”, và là “kẻ thù tiềm năng mới” mà Việt Nam phải chuẩn bị để chiến đấu. Trong một phản ứng với Trung Quốc, Chủ nhiệm tổng cục chính trị của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam đã nhấn mạnh rằng các lực lượng vũ trang Việt Nam sẽ phải tiến hành một cuộc tổng tiến công quân Trung Quốc, chủ động tấn công và phản công đánh đuổi kẻ thù bên trong và thậm chí cả bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, và biến cả miền biên giới thành mặt trận chống Tàu. Thái độ coi thường của Việt Nam đối với QGPND và sự cả tin vào sức mạnh quân sự của mình đã là chất xúc tác thúc đẩy quân đội Trung Quốc tiến hành chiến tranh. Lực lượng chiến đấu đã được tôi luyện của QĐND Việt Nam đã tham gia tác chiến hầu như liên tục trong nhiều thập kỷ và đã chiến thắng được hai cường quốc lớn phương Tây. Trong khi đó các chuyên gia Việt Nam cho rằng khả năng và tinh thần chiến đấu của QGPND là thấp kém và hạn chế. QĐND Việt Nam rất tự hào với vũ khí của Nga và các trang thiết bị quân sự thu hồi của Mỹ. Theo các hãng truyền thông của Việt Nam các vũ khí đó hơn hẳn với bất kỳ trang bị nào của QGPND.

Trong hơn hai mươi năm Trung Quốc đã viện trợ cho Hà Nội trên 20 tỷ đô la Mỹ, nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Khi Việt Nam bắt đầu ép buộc người Hoa ở miền bắc hồi cư và gia tăng bạo lực trên biên giới với Trung Quốc, nhiều người Trung Quốc đã cho rằng Hà Nội vong ơn bội nghĩa trước những giúp đỡ và hy sinh của Trung Quốc. Những người Trung Quốc đã từng giúp đỡ những người cộng sản Việt Nam trong chiến tranh chống Pháp và Mỹ đã cảm thấy như bị phản bội và đã hăm hở để “dạy cho Việt Nam bài học”. Trong số đó có Đặng Tiểu Bình, phó thủ tướng và là tổng tham mưu trưởng QGPND. Họ Đặng đã tỏ ra bực mình với thái độ khiếm nhã của Việt Nam đối với những giúp đỡ của Trung Quốc đã được sử sách ghi chép từ giữa những năm 1960. Sự thù nghịch giữa hai nước đã tăng mạnh vào cuối những năm 1970, và ngày càng trở nên nhạy cảm, thậm chí đã có lúc Việt Nam được Trung Quốc gọi là đồ khốn nạn (wangbadan) trước một nhà lãnh đạo nước ngoài. Các nhà lý luận quân sự nói chung đều nhất trí rằng tình trạng “thù nghịch ở cả hai phía, giận dữ và căm thù đã hình thành và ngày càng sôi sục”. Sự láo xược của Việt Nam thể hiện qua những va chạm dọc biên giới mỗi ngày một tăng và sự ra đi ồ ạt của Hoa kiều đã tác động mạnh lên quyết định dùng vũ lực của các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự.

## **Động thái của Trung Quốc trước cuộc tấn công**

Vẫn chưa có những tài liệu chắc chắn nào cho thấy lúc nào và như thế nào Bắc Kinh đã ra quyết định tiến hành chiến tranh chống Việt Nam. Nayan Chanda, phóng viên Đông Nam Á kỳ cựu của Tạp Chí Kinh Tế Viễn Đông đã chỉ đưa ra được vài chi tiết cho rằng cấp lãnh đạo Trung Quốc đã ra quyết định “dạy cho Việt Nam bài học” vì thái độ “vô ơn và ngạo mạn” trong một cuộc họp Bộ Chính Trị hàng tuần vào đầu tháng Bảy năm 1978. Tuy nhiên ông ta lại cho rằng trong cuộc họp đó cấp lãnh đạo Trung Quốc, khi thông qua quyết định tấn công Việt Nam, có vẻ như họ đã được thuyết phục rằng việc này chỉ để nhằm “làm suy yếu vị thế của Xô-viét trong thế giới thứ ba”. Các nguồn tin mới đây từ Trung Quốc thì lại giả thiết rằng sự tính toán đến các phản ứng quân sự đối với cuộc khủng hoảng giữa Việt Nam và Trung Quốc là một quá trình hết sức chậm chạp vì khá lâu sau đó cũng không có một quyết định nào được thông qua. Hơn nữa, cuộc chiến khởi đầu được coi như là một xung đột cục bộ giữa hai nước chứ không phải là một phần của chiến lược chống bá quyền toàn cầu của Trung Quốc. Trong những năm đầu của thời kỳ hậu Mao, Bắc Kinh áp dụng chính sách lãnh đạo thừa kế. Chính sách lãnh đạo thừa kế này liên quan đến việc gia hạn năm công tác với chức năng tư vấn không chính thức cho các lãnh tụ cao cấp và các cấp thấp hơn như các viên chức chính phủ và sĩ quan quân đội để họ đảm nhận các vấn đề trước khi có quyết định cuối cùng.

Châu Đức Lễ (Zhou Deli), tham mưu trưởng quân khu Quảng Châu, kể lại rằng vào tháng Chín năm 1978 đã có một cuộc họp được tổ chức trong bộ tổng tham mưu QGPND bàn về vấn đề “làm sao đối phó với nạn xâm chiếm lãnh thổ của quân

đội Việt Nam”. Mọi quan tâm ban đầu là vấn đề xung đột biên giới. Vấn đề này lúc đó đã được coi như nguyên nhân chính dẫn đến căng thẳng ngày càng gia tăng giữa hai nước từ năm 1976.

Một đề xuất sơ bộ đề nghị tiến hành một chiến dịch quy mô nhỏ nhằm vào một trung đoàn bộ đội địa phương thuộc huyện Trùng Khánh của Việt Nam nằm sát đường biên giới với tỉnh Quảng Tây. Tuy nhiên, sau khi một báo cáo của tình báo cho biết cuộc xâm lăng Campuchia của Việt Nam sắp xảy ra thì đa số người tham gia đều đồng ý rằng bất kỳ một hành động quân sự nào được tiến hành cũng đều phải gây được ảnh hưởng đáng kể với Hà Nội và tình hình ở Đông Nam Á. Mọi người đều khuyến cáo phải tiến công vào các đơn vị quân đội chính quy của Việt Nam trên một địa hình rộng lớn. Mặc dầu cuộc họp kết thúc mà không đưa ra bất cứ quyết định cụ thể nào nhưng nó đã cho thấy hình hài của một kế hoạch chiến tranh có thể xảy ra của Trung Quốc nhằm vào Hà Nội và có thể nó là những bằng chứng đầu tiên có liên quan đến những hoạt động quân sự của Trung Quốc trên biên giới phía bắc của Việt Nam nhằm tạo áp lực lên thái độ được coi là hiếu chiến của Việt Nam tại khu vực Đông Nam Á.

Tuy nhiên, một chiến dịch quân sự quy mô lớn có thể làm xấu đi hình ảnh của Trung Quốc trên trường quốc tế trong khu vực lẫn thế giới. Họ Đặng đã lập kế hoạch thăm chính thức Thái Lan, Mã Lai và Sinh-ga-po vào đầu tháng 11 năm 1978 nhằm dò xét và tìm sự hậu thuẫn của các nước này đối với chính sách của Trung Quốc lên Việt Nam. Trong chuyến thăm viếng, Đặng đã thuyết phục các nước chủ nhà rằng Trung Quốc sẽ sử dụng vũ lực chống lại sự xâm lược của Việt Nam nếu nước này tấn công Campuchia. Trong nước, các phương tiện truyền thông đều đăng xã luận và bình luận về việc trừng phạt sự xâm lăng của Việt Nam vào lãnh thổ Trung Quốc và cảnh báo về một sự trả đũa có thể xảy ra.

Ngày 23 tháng 11 năm 1978, Bộ Tổng Tham Mưu Trung Quốc đã triệu tập một cuộc họp khác. Tại đây một kịch bản mới về chiến tranh đã được bàn bạc kỹ lưỡng. Sau khi cân nhắc các khuyến cáo trước đó, Bộ Tổng Tham Mưu đã quyết định mở rộng quy mô và thời gian của chiến dịch. Các kế hoạch đã nhằm vào các vị trí quân sự chính của Việt Nam và các thành phố bên kia biên giới của Vân Nam và Quảng Tây như các mục tiêu cần tấn công, ngăn chặn nhằm làm nhụt ý chí xâm lược của Việt Nam. Có một số ý kiến cho rằng các chiến dịch như thế không đủ rộng lớn vì mới chỉ đến các vùng hẻo lánh và không đủ sức răn đe tức thời Hà Nội. Tuy nhiên cuối cùng không có sự phản đối vì họ cho rằng ban lãnh đạo Trung ương đã cân nhắc kỹ lưỡng vấn đề. Cuộc họp chỉ định hai quân khu Quảng Châu và Côn Minh sẽ thực hiện chiến dịch này. Ngoài ra cuộc họp cũng khuyến cáo về việc chuyển giao một lực lượng dự bị chiến lược QGPND bao gồm 4 quân đoàn và 1 sư đoàn lấy từ quân khu Vũ Hán và Thành Đô để củng cố cho mặt trận Quảng Tây và Vân Nam.

Ngày 7 tháng 12 năm 1978, Quân ủy Trung ương Trung Quốc đã triệu tập

một cuộc họp, kéo dài khoảng 4 đến 5 giờ và quyết định phát động một cuộc chiến tranh hạn chế trên tuyến biên giới phía nam Trung Quốc để “giáng trả” Việt Nam. Ngày kế tiếp là việc chỉ thị cho hai quân khu Quảng Châu và Côn Minh tiến hành chiến dịch quân sự này với các đơn vị đã sẵn sàng chiến đấu từ ngày 10 tháng Giêng năm 1979. Chỉ thị này nêu rõ cuộc chiến tranh được hạn chế nghiêm ngặt trong vòng bán kính 50km từ đường biên giới và kéo dài trong 2 tuần. Binh pháp truyền thống của QGPND đã được nhấn mạnh đó là việc dùng hai đội quân nhằm “Tập trung biển người để bao vây quân địch từ hai bên sườn nhằm tiêu diệt từng bộ phận quân địch bằng những trận đánh hủy diệt theo phương thức đánh nhanh rút gọn”. Tuy thời điểm cho mệnh lệnh này được hiểu là Trung Quốc phản ứng lại với sự xâm lăng Campuchia sắp xảy ra của Việt Nam, nhưng bằng cách dựng lên một chiến dịch quân sự lớn thậm chí trước khi quân đội Việt Nam vượt sông Mê-kông cũng đã thể hiện sự giận dữ từ nhiều năm do thái độ vô ơn của Việt Nam gây nên.

## **Đặng Tiểu Bình ra quyết định**

Mặc dầu cỗ máy chiến tranh của Trung Quốc đã được khởi động từ đầu tháng 12 năm 1978, nhưng ngày tấn công chính xác vẫn chưa được ấn định. Những nghiên cứu ban đầu đã suy diễn rằng quyết định tấn công của Bắc Kinh đã xuất hiện từ Hội Nghị Công Tác Trung Ương vào khoảng 10 tháng 11 đến 15 tháng 12 năm 1978. Thực tế, cuộc họp này đã kêu gọi xem xét một nghị trình cải cách kinh tế trong vòng 10 năm, chấm dứt việc đề cập đến những di sản của Cách Mạng Văn Hóa. Đến nay vẫn chưa được biết là đã có cuộc thảo luận quan trọng về tình hình Đông Dương hay không. Tuy thế, cuộc họp đã củng cố vị trí của họ Đặng trong ban lãnh đạo, cho phép ông ta, dù chỉ là một trong năm phó chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) nhưng kiêm chức Tổng tham mưu trưởng quân đội, trở thành người ra quyết định về vấn đề Việt Nam.

Trong cuộc họp Quân ủy Trung ương vào trước đầu năm Dương lịch, họ Đặng đã chính thức đề xuất một cuộc chiến tranh trừng phạt Việt Nam. Tất cả những người tham gia cuộc họp bao gồm cả chủ tịch ĐCSTQ Hoa Quốc Phong, theo như báo chí đã đưa tin, cũng ủng hộ đề xuất này. Cũng tại cuộc họp này Đặng đã chỉ định Hứa Thế Hữu (Xu Shiyou) làm chỉ huy chiến dịch ở đông Quảng Tây và Dương Đắc Chí (Yang Dezhi), tư lệnh quân khu Vũ Hán, chỉ huy ở miền tây Vân Nam, không dùng Vương Tất Thành (Wang Bicheng), tư lệnh quân khu Côn Minh. Để đáp ứng với việc thay đổi các cấp chỉ huy chiến trường, Đặng đã cử hai phó tổng tham mưu trưởng của ông ta đến Côn Minh để giám sát việc chuyển giao quyền lực và chuẩn bị chiến tranh. Không có một bộ tư lệnh trung tâm, hai quân khu sẽ tiến hành chiến đấu một cách độc lập không có phối hợp hoặc hiệp đồng. Cuộc họp cũng nhắc lại rằng cuộc tấn công phải được tiến hành chớp nhoáng và tất cả các đơn vị phải rút về sau khi đạt được mục tiêu của chiến dịch.

Các tài liệu hiện nay đều đưa ra giả thiết là có một vài lãnh tụ Trung Quốc đã phản đối việc tấn công Việt Nam, nhưng các tài liệu đó đã không thống nhất được là những lãnh tụ nào đã phản đối và phản đối theo hình thức nào. Khi Đặng đã là kiến trúc sư trưởng của kịch bản thì khó có ai dám thách thức được quyết định của ông ta, một con người đầy uy tín cũng như thâm niên trong đảng. Kiểm soát được Bộ Tổng Tham Mưu Đặng đã có được các phương tiện thuận lợi nhất để thúc cổ máy chiến tranh của Trung Quốc vận hành trước khi ban lãnh đạo Trung ương đưa ra một quyết định chính thức. Hành động giống như Mao, Đặng đã tham khảo ý kiến của các đồng sự tin cậy trong chỗ riêng tư trước khi ra quyết định và sau đó chỉ thực hiện quyết định khi đã có sự tán thành của Bộ Chính Trị. Một trong những đồng sự gần gũi nhất của Đặng là Trần Vân (Chen Yun), một phó chủ tịch khác của ĐCSQT và cán bộ trung kiên của đảng, đã có những đóng góp quan trọng cho quyết định tấn công Việt Nam.

Có một số quan tâm hàng đầu trong Bộ Chính Trị: liệu Liên Xô có phản ứng bằng cách tấn công từ phía bắc khiến quân đội Trung Quốc phải chiến đấu trên hai mặt trận; liệu Liên Xô có nhân cơ hội để trục lợi từ tình hình chẳng? Thế giới sẽ phản ứng lại thế nào? Và liệu chiến tranh với Việt Nam có làm trở ngại đến nghị trình mới của Trung Quốc là hiện đại hóa nền kinh tế? Mối lo lớn nhất là phản ứng của Liên Xô. Theo các phân tích tình báo của Bộ Tổng Tham Mưu, Matx-cơ-va có thể sẽ tung ra 3 chiến dịch quân sự nhằm đáp trả cuộc xâm lăng của Trung Quốc và Việt Nam: một cuộc đột kích quân sự lớn bao gồm cả tấn công trực diện vào thủ đô Bắc Kinh; xúi giục các phần tử dân tộc thiểu số có vũ trang đang lưu vong ở Liên Xô quay về tấn công vào các tiền đồn Trung Quốc ở Tân Cương (Xinjiang) và Nội Mông (Inner Mongolia); hoặc sử dụng các cuộc giao tranh nhỏ gây ra sự căng thẳng biên giới giữa hai nước. Tuy nhiên, khi mà Liên Xô chưa có lực lượng đầy đủ để tiến hành bất cứ các hoạt động quân sự lớn nào chống lại Trung Quốc một cách ngay lập tức thì các lãnh tụ đảng, đặc biệt là Đặng, đã tin rằng một cuộc chiến tranh vào Việt Nam chớp nhoáng, có giới hạn, và mang tính tự vệ sẽ không kích thích đủ sự can thiệp của Matx-cơ-va hay một làn sóng phản đối quốc tế nào. Hai cuộc xung đột biên giới trước đó với Ấn Độ (1962) và Liên Xô (1969) đã minh chứng cho lập luận này. Ý định về một cuộc chiến tranh nhanh gọn cũng đã thuyết phục được một số phản đối trong nội bộ và biện hộ cho sự lựa chọn chính sách của Bắc Kinh. Tuy nhiên các lãnh tụ Trung Quốc cũng không dám lơ là cảnh giác bằng cách đồng thời ra lệnh cho các đơn vị quân đội ở các quân khu miền bắc và tây bắc luôn ở vào tư thế sẵn sàng chiến đấu trong trường hợp Liên Xô tấn công.

Cuộc họp vào ngày lễ Giáng Sinh đã quyết định hoãn lại thời điểm tấn công Việt Nam. Các nhà phân tích phương Tây đã cho rằng lý do Bắc Kinh vẫn còn đắn đo là vì lo sợ phản ứng quốc tế. Chuyến công du năm trong kế hoạch của Đặng đến Mỹ và Nhật đã được thu xếp để “thăm dò phản ứng dư luận”. Tuy nhiên những đồng sự thân cận của Đặng đã cho rằng ngay cả những sự chống đối của quốc tế, nếu có, cũng không ngăn cản được ông ta vì Đặng chưa bao giờ nhân nhượng bất cứ điều gì một

khi ông ta đã quyết. Các lãnh tụ Trung Quốc cũng rất lo lắng vì không biết lực lượng của họ có đủ thời gian để chuẩn bị đầy đủ cho cuộc chiến tranh hay không. Binh lính Trung Quốc chưa tham gia vào bất cứ cuộc chiến tranh lâu dài nào, trong khi nhiều người trong quân đội không thể hiểu được vì sao cuộc chiến sắp xảy ra lại nhằm vào một đồng minh truyền thống và là một quốc gia láng giềng nhỏ bé. Không lâu sau cuộc họp lễ Giáng Sinh, Đặng đã cử Dương Dũng (Yang Yong), tổng tham mưu phó, và Trương Chân (Zhang Zhen), chủ nhiệm tổng cục hậu cần lần lượt đến Vân Nam và Quảng Tây để thị sát điều kiện chiến đấu của bộ đội. Lo sợ binh lính chưa sẵn sàng chiến đấu, Trương đã lập tức đề nghị hoãn cuộc chiến lại một tháng. Sau này ông ta có kể lại rằng Quân ủy Trung ương đã đồng ý để lùi thời gian tấn công lại đến giữa tháng Hai. Dương đã làm một báo cáo trong đó có những đề xuất về kế hoạch cho chiến tranh, để trình bày ngày 22 tháng Giêng tại tư gia của họ Đặng trước sự hiện diện của các lãnh tụ chủ chốt của Quân ủy Trung ương. Có thể trong cuộc họp này các lãnh tụ Trung Quốc đã tái khẳng định quyết định tấn công của họ và định ra một khung thời gian cho “ngày N”. Ngày tiếp theo, Bộ Tổng Tham Mưu lại tổ chức một cuộc họp khác, tại đây kế hoạch chiến tranh được thông qua lần cuối và quân đội được lệnh sẵn sàng khởi sự vào ngày 12 tháng Hai. Để đề phòng tình hình có thể vượt ngoài tầm kiểm soát, ban lãnh đạo Trung ương đã yêu cầu Hứa Thế Hữu phải dừng ngay các chiến dịch quân sự và rút lui ngay khi quân đội của ông ta chiếm được Lạng Sơn và Cao Bằng là hai thành phố chính của Việt Nam nằm gần biên giới.

Ngày 11 tháng Hai 1979, hai ngày sau khi Đặng trở về Bắc Kinh từ chuyến đi Mỹ và Nhật, cuộc họp Bộ Chính Trị mở rộng đã được triệu tập. Đặng trình bày rõ ràng lý do căn bản để đánh Việt Nam, và sau đó mệnh lệnh phát động cuộc tấn công Việt Nam vào ngày 17 tháng Hai năm 1979 đã được gửi tới các tư lệnh quân khu Quảng Tây và Vân Nam. Đây là ngày họp mà các thành phần không phải chủ chốt được tham dự lâu trong đó một số lý lẽ được đưa đẩy rằng thời điểm tấn công có thể liên quan mật thiết đến yếu tố thời tiết: vào mùa mưa, thường từ tháng Tư trở đi, nó có thể bất lợi cho việc tiến hành các chiến dịch quân sự, hoặc nếu tấn công sớm quá thì quân đội Liên Xô có thể dễ dàng vượt qua những con sông dọc biên giới Trung-Xô khi đó đang còn đóng băng. Đặng và các lãnh tụ khác đã tính toán một cách cẩn thận tất cả các khả năng có thể có một khi quân đội của họ đã vượt qua biên giới Việt Nam. Họ đã giới hạn phạm vi, thời gian, và không gian cho một cuộc chiến tranh đã được gán cái tên là “cuộc phản công tự vệ” để cố gắng giảm thiểu những phản ứng tiêu cực từ trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, khi chiến tranh đã nổ ra, Đặng vẫn theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến xảy ra, vẫn ban hành những chỉ thị và mệnh lệnh đặc biệt (điều này khác hẳn với phong cách lãnh tụ của Mao).

Gerald Segal (tác giả cuốn *Trung Hoa tự vệ-ND*) cho rằng động cơ đầu tiên của Trung Quốc khi tấn công Việt Nam là nhằm ngăn chặn tham vọng và ý đồ xâm lăng Đông Nam Á cùng với mối đe dọa của Việt Nam đang nhằm vào an ninh của Trung Quốc, lật tẩy sự nhu nhược của Liên Xô. Nhưng tính toán chính trị sai lầm đã cho thấy rằng các lãnh tụ Trung Quốc đã đặt chính họ vào thế khó khăn khi xây dựng

một chiến lược trừng phạt Việt Nam mà không bao giờ có cơ hội thành công. Ý đồ đã được tuyên bố của Trung Quốc là “dạy cho Việt Nam bài học” đã biến mục tiêu hàng đầu của cuộc chiến tranh thành một “hành động trả thù”. Từ đầu, Bắc Kinh đã giới hạn mục đích và chỉ đạo để cuộc chiến không vượt quá giới hạn của một cuộc xung đột biên giới tay đôi. Bộ chỉ huy quân sự ở Quảng Châu và Côn Minh được yêu cầu phải xây dựng các chiến lược tác chiến sao cho không chỉ hoàn thành mục tiêu là trừng phạt mà còn phải giới hạn chiến sự về thời gian lẫn không gian.

Câu hỏi thực tế cho những người lập kế hoạch quân sự Trung Quốc địa phương là đến chừng mực nào thì mục tiêu dạy cho Việt Nam bài học mới đạt được và đo lường được. Phương thức tác chiến thông thường của QGPND luôn luôn tạo nên một áp lực đặc biệt trong vấn đề tiêu diệt sinh lực địch (*yousheng lilian*). Một trong những truyền thống tác chiến của QGPND là chiến thuật biến người để đảm bảo thắng lợi. Khoảng giữa tháng Giêng 1979 hơn một phân tư quân đội thường trực của QGPND đã được đưa đến biên giới Trung-Việt, tổng cộng khoảng hơn 320.000. Theo kinh nghiệm chiến đấu của mình và dựa trên các bài bản chiến thuật của QGPND trong quá khứ, Hứa Thế Hữu đã trả lời những yêu cầu chiến tranh của ban lãnh đạo Trung ương bằng một chiến thuật gọi là *niudao shaji* (ngư đao sát kê - dùng dao mổ trâu để cắt tiết con gà). Nguyên tắc chủ đạo khi giao chiến gồm ba điểm: tập trung tấn công vào vị trí quan trọng nhưng không phải điểm mạnh của quân địch; sử dụng lực lượng và hỏa lực áp đảo (tiền pháo hậu xung) để đập tan hàng phòng ngự của địch tại những những điểm mấu chốt; các đơn vị xung kích phải hết sức nhanh chóng thọc sâu và tấn công tất cả các con đường dẫn đến sào huyệt kẻ thù. Theo cách này Hứa tin rằng quân đội của ông ta có thể cắt nhỏ hệ thống phòng thủ của Việt Nam thành từng mảnh, đập tan mọi sự kháng cự, và sau đó tiêu diệt hết quân địch.

Theo tinh thần và chiến thuật đó, các quân khu Quảng Châu và Côn Minh đã xây dựng những kế hoạch tác chiến riêng của họ trong đó nhấn mạnh đến việc tiêu diệt các sư đoàn quân chính quy của Việt Nam dọc biên giới Trung-Việt. Chiến tranh có thể chia thành hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, hai mũi nhọn tấn công và Cao Bằng và Lào Cai nhằm bao vây và tiêu diệt các sư đoàn của quân đội Việt Nam tại đó đồng thời phát động các cuộc tấn công ở Đồng Đăng để ly gián Hà Nội về mục tiêu chiến tranh của Trung Quốc. Sau đó lực lượng QGPND ở Quảng Tây sẽ tập trung tấn công vào Lạng Sơn trong khi các cánh quân bạn ở Vân Nam sẽ giao chiến với sư đoàn quân Việt Nam ở Sa Pa. Tổng cộng 8 quân đoàn QGPND sẽ đồng thời tham gia tác chiến, một quân đoàn được giữ lại làm lực lượng trừ bị.

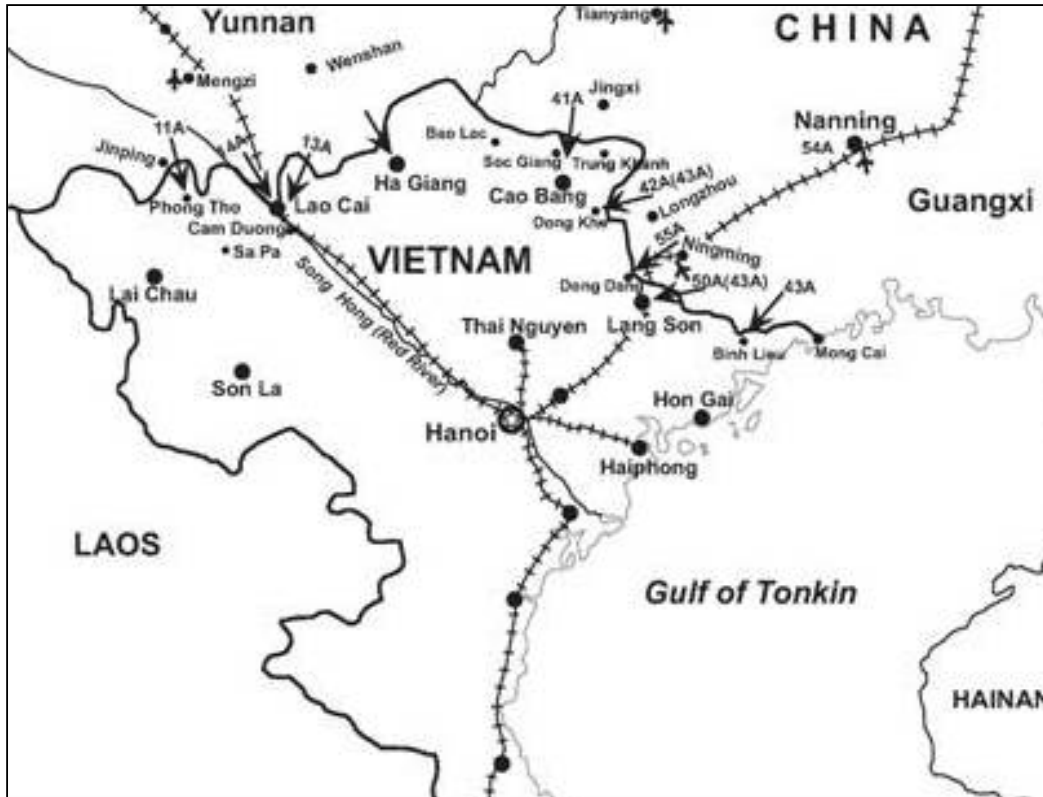
Bắc Kinh cũng tính đến khả năng tham chiến của không quân. Không quân của QGPND sẽ cam kết dùng 18 trung đoàn và 6 phi đội tăng phái để chuẩn bị hỗ trợ cho các chiến dịch mặt đất. Để tránh leo thang xung đột, Quân ủy Trung ương ra lệnh không lực chỉ trợ chiến bên trong lãnh thổ Trung Quốc, trong khi đó lại ra lệnh các đơn vị không quân sẵn sàng yểm hộ cho các chiến dịch dưới đất “nếu cần”, mặc dầu

không đưa ra định nghĩa chính thức tình hình thế nào và bao giờ được coi là “cần”. Mệnh lệnh đã quy định rằng bất cứ chiến dịch nào bên ngoài không phận Trung Quốc đều phải được phép của Quân ủy Trung ương. Dựa trên những nguyên tắc này, một chiến lược yêu cầu các đơn vị không quân sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ vùng trời và yểm trợ cho mặt đất. Khi chiến dịch dưới đất bắt đầu, cùng lúc không quân được lệnh xuất kích với tần suất cao trên không phận biên giới nhằm ngăn chặn không quân Việt Nam tham chiến. Nhân viên kiểm soát và điều hành hàng không cũng như các nhóm chỉ huy tác chiến đã được cử đến sở chỉ huy tiền phương của hai quân khu ở Quảng Châu và Côn Minh, các chỉ huy của các đơn vị không quân và một vài đơn vị phục vụ mặt đất cũng sẽ tham gia vào nhiệm vụ tấn công chính

Từ cuối tháng 12 năm 1978 đến hết tháng Giêng năm 1979 binh lính Trung Quốc bị cuốn hút vào các hoạt động huấn luyện chiến đấu và diễn tập. Vì trước đó hầu hết quân đội Trung Quốc chỉ tham gia vào sản xuất nông nghiệp trong một thời gian dài, những nỗ lực điền rồ vào giờ phút cận kề như vậy, dù là có ích, chắc chắn cũng không thể đủ được. Huấn luyện quân sự được tập trung nhiều vào những kỹ năng cơ bản của người lính như bắn, ném lựu đạn. Chỉ một vài đơn vị có khả năng tiến hành các cuộc huấn luyện có ý nghĩa về chiến thuật hoặc diễn tập cấp trung đoàn hoặc sư đoàn. Nhiều sĩ quan báo cáo rằng họ không thể đảm bảo các binh sĩ của họ có khả năng tác chiến. Việc các đơn vị bộ đội của QGPND chỉ được huấn luyện một cách sơ sài và không đầy đủ cho một cuộc chiến tranh hiện đại nhằm vào quân đội Việt Nam, những người đã có 25 năm kinh nghiệm chiến đấu trước khi có cuộc chiến tranh này dường như không được giới lãnh đạo Trung Quốc quan tâm.

Mặc dầu nhu cầu huấn luyện là cấp bách, nhưng QGPND vẫn tiếp tục với truyền thống quân sự của mình là sử dụng học thuyết chính trị để nâng cao tinh thần và để cải thiện hiệu năng chiến đấu. Cổ máy tuyên truyền đã được thiết lập để thuyết phục binh lính rằng quyết định của ban lãnh đạo Trung ương là cần thiết và đúng đắn. Việt Nam đã thay đổi một cách xấu xa trở thành “Cuba ở phương đông”, tên “côn đồ ở châu Á” và “chó săn của Liên Xô”, đang cố theo đuổi tham vọng bành trướng. Chủ thuyết chính trị của Mác, mặc dầu được cả hai nước suy tụng cũng không ngăn cản được việc Trung Quốc phát động một cuộc “chiến tranh tự vệ” chống lại quốc gia láng giềng nhỏ bé một khi quyền lợi dân tộc tối cao bị đe dọa. Các bài giảng, các cuộc họp quy tập Việt Nam với các bằng chứng, hiện vật, cũng như tranh ảnh được trưng bày nhằm gia tăng chủ nghĩa yêu nước và lòng căm thù kẻ địch. Ít nhất người ta cũng đã đưa ra một cách giải thích nghe có vẻ có lý cho những người lính bình thường, ít học về lý do tại sao lại cần phát động cuộc tấn công quân sự vào Việt Nam, một đất nước từ lâu đã là anh em, đồng chí.

## **Chiến dịch quân sự**



Cuộc tấn công được gọi là tự vệ của QGPND được tiến hành trong 3 giai đoạn. Giai đoạn đầu từ 17 đến 25 tháng Hai. Trong thời gian đó quân đội Trung Quốc theo dự tính sẽ đập tan tuyến phòng ngự đầu tiên của Việt Nam và đánh chiếm các thị xã Cao Bằng và Lào Cai, các thị trấn biên giới quan trọng là Cam Đường và Đồng Đăng, cửa ngõ ra vào Lạng Sơn. Giai đoạn hai từ 26 tháng Hai đến 5 tháng Ba là chiến dịch đánh Lạng Sơn và các vùng phụ cận phía tây, vùng Tây Bắc Sa Pa, và Phong Thổ. Giai đoạn cuối là nỗ lực bổ sung để dẹp yên các lực lượng địch còn sót lại trong quá trình phá hủy hệ thống quân sự tại khu vực biên giới với Trung Quốc trước khi hoàn thành việc rút quân vào ngày 16 tháng Ba. Các chiến dịch quân sự đã được thực hiện bên trong lãnh thổ Việt Nam dọc theo biên giới kéo dài đến 900 km từ đông sang tây. Trong 30 ngày, quân Trung Quốc đã tiến hành những trận đánh đẫm máu nhất kể từ chiến tranh Triều Tiên.

Cuộc tấn công của Trung Quốc đã khiến Hà Nội bất ngờ. Tình báo Việt Nam dường như thất bại trong việc giúp ban lãnh đạo Hà Nội chuẩn bị trước cho cuộc xâm lược của Trung Quốc. Mặc dầu màn giễu võ dương oai (saber-rattling) của Bắc Kinh đã có từ trước đó vài tháng, nhưng lãnh đạo Việt Nam cũng không thể tin nổi “một nước Xã hội Chủ nghĩa anh em” lại có thể đi xâm lược mình. Khi một số lượng lớn quân Trung Quốc đã vượt qua biên giới, thủ tướng Phạm Văn Đồng và tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam Văn Tiến Dũng còn đang ở Phnom Pênh. Mức độ dàn

trái của chiến dịch của QGPND cũng đã đánh lừa được Bộ Tư Lệnh tối cao của quân đội Việt Nam trong việc nhận dạng các mũi nhọn và mục tiêu thực của cuộc tấn công. Trong lúc yêu cầu cấp bách Matx-cơ-va thực thi nghĩa vụ theo hiệp ước hữu nghị và hợp tác mới ký giữa hai nước, phản ứng tức thời của Hà Nội là “để đáp trả ngay lập tức, sử dụng bất cứ sự kháng cự nào nhằm làm giảm ưu thế của quân Trung Quốc” Các trận đánh quan trọng đã xảy ra xung quanh các thị trấn biên giới như Sóc Giàng, Đồng Hệ, Đồng Đăng, Cao Bằng, Lào Cai và Cam Đường, qua việc tranh giành từng ngọn đồi từng căn hầm. Cả hai bên đều thể hiện ý chí quyết liệt tiến công và phản công mặc cho thương vong nặng nề. Vào ngày 20 tháng Hai, cố vấn Liên Xô đã kết luận rằng lực lượng phòng thủ dân quân tự vệ của Việt Nam sẽ không thể ngăn chặn được bước tiến của quân Trung Quốc. Đã có một khuyến cáo thiết lập cầu hàng không để chuyên chở ngay lập tức 30 000 quân từ Campuchia về để tăng cường cho tuyến phòng thủ Lạng Sơn và Hà Nội. Theo tài liệu của Xô Viết các cố vấn của họ đã có những nỗ lực phi thường để tìm và thuyết phục các lãnh tụ Việt Nam có những biện pháp đối phó cấp bách với tình hình. Không hiểu mục tiêu chiến tranh của Bắc Kinh, Hà Nội đã có những phản ứng hết sức chậm chạp đối với những diễn biến nhanh chóng trên chiến trường.

Mặc dầu QGPND đã chọc thủng phòng tuyến ngay từ đầu nhưng địa hình, đặc biệt là thiếu đường sá, cộng với sự kháng cự quyết liệt của quân chính quy, các đơn vị biên phòng, bộ đội địa phương Việt Nam nên quân Trung Quốc đã bị rơi vào thế bị động. Chính tình trạng này đã bộc lộ những điểm yếu và thiếu khả năng của quân Trung Quốc trong chỉ huy tác chiến, liên lạc và hậu cần bắt nguồn từ truyền thống binh pháp của QGPND. Trong một vài trường hợp, các chỉ huy mặt trận Trung Quốc đã thúc giục sự yểm trợ của không quân khi các giao tranh dưới mặt đất gặp sự kháng cự quyết liệt của quân đội Việt Nam. Tổng tham mưu trưởng quân đội Trung Quốc đã không cho phép, thay vào đó là mệnh lệnh cho hải dựa vào sự hỗ trợ hỏa lực của pháo binh. QGPND cùng với những tướng lĩnh của nó được sinh trong một thể chế truyền thống, chỉ quen với tiền pháo hậu xung và biển người. Khẩu hiệu “Tinh thần của lưỡi lê” (The spirit of the bayonet) lại tiếp tục được đề cao. Kết quả cho thấy cuộc chiến tranh Việt-Trung năm 1979 là một cuộc chiến tranh đẫm máu và tàn bạo.

Thành công của cuộc chiến tranh trừng phạt của QGPND phụ thuộc vào các chiến thuật xâm nhập, tấn công sườn và bao vây Cao Bằng. Tuy nhiên, hai sư đoàn đột kích thọc sâu đã không hoàn thành được dự định trong vòng 24 giờ. Địa hình núi non, với những cánh rừng rậm rạp lại không có đường và bị bộ đội địa phương và dân quân du kích Việt Nam phục kích đã khiến cho quân Trung Quốc gặp khó khăn không ngờ. Vì sự chậm trễ này mà Hứa Thế Hữu đã quyết định quay lại lập tức tấn công Cao Bằng, mặc dầu một quân đoàn của phó tư lệnh Ngô Trung (Wu Zhong) đã áp sát thành phố từ phía đông và phía nam. Tuy nhiên, do một cuộc điều tra về lý lịch chính trị trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa đang tiến hành, Vũ đã bị cách chức chỉ huy vào khoảng thời gian giữa chiến dịch. Qua đường dây nói, ngày 20 tháng 2, 1979, Hứa đã khẳng định lại việc bổ nhiệm trước đó rằng chiến dịch vẫn sẽ tiếp tục

dưới sự chỉ huy của một cấp phó khác của ông thay vì dưới quyền chỉ huy của họ Ngô, thậm chí sau đó và quân đoàn ông ta vẫn chiến đấu theo đường của họ để tới Cao Bằng từ phía bắc. Ba ngày sau khi đến nơi, Hứa và các sĩ quan tham mưu của ông ta vẫn không nhận ra rằng chỉ có một số rất ít bộ đội Việt Nam đã chiến đấu để bảo vệ đề cơ quan đầu não và chính quyền tỉnh rút lui. Sau đó ông đã ra lệnh tấn công vào thành phố. Chỉ sau vài giờ chiến đấu, quân Trung Quốc đã chiếm được thành phố.

Việc chậm trễ tiếp quản Cao Bằng đã làm đảo lộn kế hoạch ban đầu của QGPND. Kế hoạch này được thiết kế nhằm tìm kiếm những trận giao chiến nhanh chóng và quyết định. Quân đội Việt Nam phân tán thành những toán nhỏ và các đơn vị cỡ trung đội, ẩn trên núi non, rừng rậm và hang động, và tiếp tục phát động các cuộc phản công. Sự kháng cự không hề nao núng của bộ đội và dân quân Việt Nam buộc Trung Quốc phải thay đổi chiến thuật hoạt động của họ bằng cách chia quân thành những đơn vị cỡ tiểu đoàn để tham gia vào các hoạt động tìm kiếm và tiêu diệt tại Cao Bằng, Trà Lĩnh, Trùng Khánh và các khu vực Quảng Hòa. Các chiến thuật mới bao gồm khóa đường, lũng sục các ngọn đồi, tìm kiếm những hang động, sẫm soi mặt đất và cho nổ các hầm hào. Giao chiến dữ dội liên tục khiến hàng trăm chiến sĩ Việt Nam và dân thường bị giết. Cho đến ngày 06 Tháng Ba, theo các tài liệu tiếng Việt thu được đã cho thấy, thì dường như sư đoàn QĐND Việt Nam có nhiệm vụ bảo vệ Cao Bằng vẫn chưa bị tiêu diệt. Không tính đến việc chưa hoàn toàn kiểm soát được Cao Bằng, những tổn thất nặng nề của QGPND trong giai đoạn đầu đã cho thấy rằng chiến dịch gạt hái rất ít thành công.

Bắc Kinh ngày càng trở nên lo lắng về tiến triển của cuộc chiến nên hồi thúc tư lệnh chiến trường ở Quảng Tây khởi sự càng nhanh càng tốt trận đánh quyết định vào Lạng Sơn, một cửa ngõ làm lá chắn cho Hà Nội từ phía bắc. Dường như không hài lòng với những gì đã xảy ra tại Cao Bằng, họ Hứa đã tổ chức lại kế hoạch tác chiến và kêu gọi binh lính tăng thêm sức chiến đấu trong trận đánh Lạng Sơn. Sáu sư đoàn quân Trung Quốc tham gia vào trận đánh quyết định này, bắt đầu vào ngày 27 tháng hai, được mở màn bằng một trận pháo kích dữ dội. Sau các trận chiến ác liệt, quân Trung Quốc lần đầu tiên kiểm soát chắc chắn được các điểm cao xung quanh và sau đó đánh chiếm phần phía bắc của thành phố vào ngày 02 Tháng Ba, ngày mà theo lịch trình sẽ ngưng các hoạt động quân sự. Do bộ máy tuyên truyền của Hà Nội không thừa nhận thất bại của họ ở Lạng Sơn, Hứa đã quyết định tiếp tục đánh, thúc quân của ông ta vượt sông Kỳ Cùng, là ranh giới phân chia thành phố Lạng Sơn thành các huyện phía Bắc và phía Nam, để đánh chiếm toàn bộ thành phố, và sau đó phát triển xa về phía nam để đe dọa Hà Nội. Mặc dù quyết định của Hứa đã được Bắc Kinh thông qua, nhưng nó đã bị hủy bỏ vào ngày 05 tháng 3, ngay sau khi quân đội Trung Quốc chiếm phần phía nam của Lạng Sơn, với lý do được tuyên bố là họ đã đạt được các mục tiêu chiến tranh ban đầu.

## **Đánh giá cuộc chiến tranh của Trung Quốc với Việt Nam**

Cuộc chiến Việt-Trung năm 1979 là một hoạt động quân sự lớn nhất mà QGPND đã đề xướng kể từ sau chiến tranh Triều Tiên. Dựa trên chiến lược của Mao là “trong mỗi trận đánh, tập trung một lực lượng tuyệt đối vượt trội so với kẻ thù”, Bắc Kinh đã triển khai chín quân đoàn chính quy cùng với các đơn vị đặc biệt và địa phương, tạo nên một đội quân hơn 300.000, tiến hành cuộc chiến tranh trừng phạt Việt Nam trong một tháng. Các đơn vị không quân chiến đấu đã xuất kích 8.500 phi vụ tuần tra vùng trời, trong khi đó các đơn vị vận tải và trực thăng đã xuất kích 228 lần làm nhiệm vụ không vận; Hải quân cử một lực lượng đặc nhiệm (bao gồm hai tàu khu trục tên lửa và ba hải đội tàu trang bị tên lửa và ngư lôi tấn công nhanh) ra đảo Hoàng Sa (Xisha) nhằm đối phó với sự can thiệp của hải quân Liên Xô nếu có. Ngoài ra, Các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam còn huy động hàng chục ngàn dân quân và dân công để hỗ trợ các chiến dịch quân sự. Trong thời gian chiến tranh, quân Trung Quốc đã chiếm ba thị xã của Việt Nam và hơn một chục thành phố nhỏ và thị trấn dọc biên giới, họ tuyên bố đã giết và làm bị thương 57.000 bộ đội Việt Nam, đánh thiệt hại nặng bốn sư đoàn quân chính quy và mười trung đoàn trực thuộc khác, cùng với việc chiếm một lượng lớn vũ khí. Bắc Kinh khẳng định rằng cuộc chiến chống Việt Nam 1979 đã kết thúc với thắng lợi thuộc về Trung Quốc.

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu ngày nay đều thừa nhận rằng quân Việt Nam “đã trên tay” quân Trung Quốc trên chiến trường vì khả năng tác chiến yếu kém của QGPND và thương vong quá nặng như đã được báo cáo chính thức. Hà Nội cho rằng chỉ có dân quân và các lực lượng địa phương đã tham gia vào cuộc xung đột, và không áp dụng một chiến thuật phòng thủ nào nhưng đã tấn công liên tục chống lại quân xâm lược Trung Quốc. Họ chỉ chịu mất Lạng Sơn và một số thành phố khác sau khi đã gây thương vong và thiệt hại nặng nề cho quân Trung Quốc. Đài Hà Nội vào thời gian đó đã thông báo rằng Việt Nam đã tiêu diệt và làm bị thương 42.000 quân Trung Quốc. Chỉ có một vài tài liệu chính thức của Việt Nam có giá trị cho các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu về hiệu suất chiến đấu và thất bại của họ trong cuộc xung đột, trong khi đó các thông tin được đăng tải bởi các cá nhân trên mạng khi nói về con số tham gia thực tế và thương vong nặng nề của quân chính quy Việt Nam thì trái ngược hoàn toàn. Mặc dù đánh giá lại cuộc chiến Việt Trung năm 1979 mà chỉ dựa trên nguồn thông tin từ Trung Quốc là phiến diện nhưng đầu sao điều này cũng có thể soi sáng một số vấn đề.

Một phương pháp đánh giá cái được cái mất của Trung Quốc là tập trung vào thương vong. Lúc đầu Bắc Kinh thừa nhận là có 20.000 binh sĩ Trung Quốc bị chết hoặc bị thương trong cuộc xung đột biên giới với Việt Nam. Một xu hướng mang tính học thuật hiện nay nghiêng về con số ước tính khoảng 25.000 QGPND thiệt mạng trong khi làm nhiệm vụ và 37.000 người khác bị thương. Gần đây có nguồn từ Trung Quốc đã phân loại thiệt hại của QGPND là 6.900 người chết và 15.000 người bị

thương, tổng cộng thương vong là 21.900 thương vong trong một cuộc chiến với hơn 300.000 lính tham chiến. Trong bất cứ trường hợp nào thì thương vong của Trung Quốc trong cuộc chiến tranh gần như vậy là quá cao, điều đó cho thấy một trong những đặc tính cố hữu trong chiến thuật và chiến dịch của QGPND là: sẵn sàng thí quân cho chiến thắng. Lãnh đạo Trung Quốc xem xét thương vong là một tiêu chí tương đối không quan trọng khi đánh giá thành công trong quân sự miễn sao họ tin rằng tình hình chiến lược tổng thể nằm trong tầm kiểm soát của họ.

Theo quan điểm của Trung Quốc, cuộc chiến 1979 với Việt Nam là một biện pháp quân sự có tính toán nhằm trả đũa chính sách thù nghịch với Trung Quốc và sự bành trướng của Việt Nam tại Đông Nam Á cũng như tham vọng toàn cầu của Liên Xô. Mặc dù chiến dịch này bộc lộ nhiều điểm yếu của QGPND trong học thuyết quân sự hiện đại và chiến thuật, từ khởi đầu đến kết thúc, nhưng Trung Quốc đã nhanh chóng nắm giữ thế chủ động và nhịp độ của cuộc xung đột. Bắc Kinh đã gây bất ngờ cho Hà Nội không chỉ vì quy mô của chiến dịch, mà còn ở việc rút lui nhanh chóng và không bị sa lầy ở Việt Nam. Trung Quốc cũng đã thành công trong việc tiên liệu đúng phản ứng của Liên Xô qua việc bắt lửng và thiếu thiện chí đối với Việt Nam. Sự trông cậy vào Liên Xô trong hiệp ước hữu nghị về an ninh rõ ràng là một bài học chua xót cho Việt Nam. Điều quan trọng hơn cả cuộc chiến Việt-Trung 1979 là khởi đầu cho một chính sách của Bắc Kinh làm “chảy máu” Việt Nam trong nỗ lực ngăn chặn sự bành trướng của Hà Nội ra Đông Nam Á. Việc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia sau cuộc tấn công của Trung Quốc là điều lãnh đạo của Trung Quốc mong mỏi nhưng họ không tiên liệu được rằng cuộc triệt thoái đã không diễn ra ngay lập tức mặc cho Trung Quốc tấn công Việt Nam ở phía bắc. Sau này Trung Quốc vẫn thi hành một lựa chọn chiến lược là duy trì áp lực quân sự lên Việt Nam kể cả sự đe dọa liên tục bằng lời nói về một cuộc tấn công thứ hai, và đôi khi tăng cường pháo binh bắn phá và những trận đánh lớn ở biên giới trong hầu hết thập kỷ 1980. Một nghiên cứu đầu thập niên 1990 đã kết luận: “Cuộc chiến tranh đã đạt được thành công nhất định khi nó được xem như một chiến thuật trong chiến lược chiến tranh tiêu hao kéo dài của Trung Quốc”.

Tương tự như thế, cuộc chiến tranh Việt-Trung năm 1979 đã không để lại hậu quả đáng kể cho Trung Quốc trên trường quốc tế mặc dù việc sử dụng vũ lực quân sự chống lại Việt Nam cũng đã đẩy lên những nghi ngờ của Indonesia và Malaysia, những nước luôn cảnh giác với ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Sự chiếm đóng của Việt Nam ở Campuchia đã đe dọa Thái Lan, khiến làn sóng chống đối Việt Nam của các nước ASEAN tiếp tục gia tăng. Về mối quan hệ Trung-Mỹ, cuộc xâm lược trừng phạt Việt Nam của Trung Quốc thể hiện thành công phần nào khi khi Washington vừa công khai lên án cả cuộc xâm lược của Việt Nam vào Campuchia và cả cuộc xâm lược của Trung Quốc vào Việt Nam lại vừa chia sẻ mối quan tâm của Trung Quốc trong việc ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô tại Đông Nam Á. Ý chí sẵn sàng sử dụng vũ lực của Bắc Kinh, bất chấp gánh chịu thương vong, đã biến Trung Quốc thành “một bức tường ngăn chặn có giá trị” chủ nghĩa bành trướng Xô-Việt;

Washington vào thời điểm đó đã tiếp tục tìm kiếm một mối quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc để cân bằng cán cân với Liên Xô.

Giới lãnh đạo Việt Nam dường như không bao giờ hiểu hết các động thái chiến lược và mục tiêu chiến tranh của Trung Quốc, nhưng lại khẳng khái quan điểm cho rằng cuộc xâm lược năm 1979 đã trở thành màn mở đầu của một kế hoạch xâm lược dài hạn của Bắc Kinh vào chủ quyền và nền độc lập của Việt Nam. Sau khi Trung Quốc tuyên bố rút quân ngày 5 tháng 3, Hà Nội kêu gọi tổng động viên toàn quốc cho chiến tranh, thúc đẩy việc xây dựng các vị trí phòng thủ trong và xung quanh Hà Nội. Mặc dù đến cuối tháng 5, quân đội Trung Quốc đã trở lại trạng thái bình thường, Việt Nam vẫn tiếp tục đề phòng, duy trì số lượng lớn của quân đội dọc theo biên giới phía Bắc đối diện với Trung Quốc vào thời điểm mà nền kinh tế của Việt Nam đang “ở trong một tình trạng tồi tệ hơn lúc nào hết kể từ sau năm 1975”. Kết quả là, Hà Nội phải dồn hết nỗ lực cho hai cuộc chiến tranh cùng một lúc, một ở Campuchia và một ở biên giới phía Bắc, dẫn đến một chi phí rất lớn của xã hội và kinh tế quốc gia, thu hút mọi nỗ lực của Hà Nội cần có cho việc hiện đại hóa nền kinh tế, và, quan trọng hơn, làm giảm tham vọng về địa chính trị của họ. Tuy nhiên, giới lãnh đạo Việt Nam không hề nhận ra tính chất nghiêm trọng của tình hình, tiếp tục phụ thuộc vào Liên bang Xô viết cho đến khi nó sụp đổ vào năm 1991. Nếu có bất kỳ bài học mà người Việt Nam cần rút ra từ cuộc chiến 1979 với Trung Quốc, thì đó là Việt Nam, như một vị tướng Việt Nam sau này đã nhận xét, “phải học cách sống chung với anh hàng xóm to lớn”.

Nhắc đến vấn đề tại sao Trung Quốc phải nóng lòng khi sử dụng một lực lượng đã được chuẩn bị sẵn để chống lại Việt Nam vào năm 1979, các phân tích ở đây cũng phù hợp với khẳng định của các nghiên cứu khác là mối lo ngại về tính toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với Bắc Kinh, đủ để thúc đẩy QGPND không chỉ trong trách nhiệm bảo vệ mà còn phải tấn công nếu cần. Tranh chấp lãnh thổ và căng thẳng biên giới có vẻ như là yếu tố kích thích để thúc đẩy Bắc Kinh xem xét đến việc sử dụng vũ lực chống lại láng giềng phía nam của họ. Hơn thế nữa, cùng với sự cuồng phát của chủ nghĩa dân tộc đầy cảm tính đã hướng tới việc củng cố thêm tinh thần Đại Hán, theo đó cần phải có một sự trừng phạt nào đó với một đồng minh cũ đã dám phản bội và quay lưng lại với Trung Quốc. Tâm lý này cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc mang lại một sự đồng thuận rộng rãi giữa các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của Trung Quốc để hỗ trợ Đặng, kẻ đóng vai trò trung tâm trong việc đưa ra các quyết định triển khai quân sự chống lại Việt Nam. Về các vấn đề chủ quyền lãnh thổ, điều luôn luôn làm nảy sinh những phản ứng thái quá của người Trung Quốc, quan điểm quân sự dường như đã trở thành yếu tố kiên quyết trong các quyết định để khởi đầu cho mọi thù địch hiện nay. Hội nghị cán bộ tháng Chín năm 1978, từ việc cung cấp các khuyến cáo cho ban lãnh đạo trung ương để đối phó với tình hình quan hệ xấu đi giữa Trung Quốc và Việt Nam, đã là điểm khởi đầu cho một hoạt động quân sự lớn. Các phân tích quân sự về phản ứng có của Liên Xô cũng giúp làm sáng tỏ những lo ngại về rủi ro nếu có. Tuy nhiên,

quân đội đã phải hy sinh chính họ cho tham vọng của ban lãnh đạo trung ương. Một khi quyết định đã được đưa ra để thực hiện cuộc xâm lăng trừng phạt Việt Nam, các tướng lĩnh đã hăm hở thực hiện nhiệm vụ của mình với sự thích thú triển khai tối đa lực lượng.

## Những bài học được rút ra

Bất kể thành công về chiến lược của Trung Quốc như thế nào, một số vấn đề quan trọng vẫn cần được bàn lại. Ví dụ QGPND đã nhận thức thế nào về hiệu năng chiến đấu của họ ở Việt Nam, bài học nào đã rút ra từ chiến dịch, kinh nghiệm này đã ảnh hưởng đến suy nghĩ của QGPND về tương lai của họ đến mức nào. Là một phần trong truyền thống của QGPND, tất cả các binh sĩ tham gia vào cuộc xung đột đã được lệnh phải viết tóm lược kinh nghiệm chiến đấu của họ. Nhìn lại cuộc chiến, bộ chỉ huy QGPND cũng thấy những mâu thuẫn nội tại. Trong khi tuyên bố rằng Trung Quốc đã giành chiến thắng, họ cũng phải thừa nhận cái giá quá cao mà QGPND đã phải trả. Trong quan điểm của bộ chỉ huy QGPND, ở một chừng mực nào đó cần có đánh giá phần nào khách quan về những yếu kém của QGPND. Tuy nhiên, họ lại e ngại khuynh hướng đánh giá quá cao khả năng và hiệu năng chiến đấu của quân đội Việt Nam. Cùng chiều hướng đó, nên niềm tự hào dân tộc và định kiến văn hóa của họ chắc chắn sẽ ngăn cản họ đưa ra những kết luận thẳng thắn về kinh nghiệm của QGPND trong chiến tranh. Những kinh nghiệm đó có thể được tổng hợp thành **sáu chủ đề** sau:

Một trong những châm ngôn truyền thống của QGPND là “biết địch biết ta trăm trận trăm thắng”. Cuộc chiến Việt-Trung năm 1979 cho thấy **QGPND quan tâm rất ít đến binh pháp và chiến thuật của QĐND Việt Nam** trước khi họ tấn công Việt Nam. Kết quả là, quân đội Trung Quốc đánh giá thấp khả năng chiến đấu của các đối thủ của mình. Có thể từ chỗ lo sợ vì đã tung hô quá nhiều danh tiếng của quân đội Việt Nam, nên tài liệu quân đội QGPND đã kết luận rằng lực lượng chính quy của kẻ địch thiếu kiên trì trong tiến công và phòng ngự và có rất ít các chiến dịch hiệp đồng, nhưng lại thừa nhận rằng chiến thuật kiểu du kích, công binh và dân quân tự vệ của Việt Nam đã thành công đáng kinh ngạc trong việc kìm chân quân Trung Quốc giảm thế cân bằng khi họ lo tìm kiếm những trận đánh quyết định với quân chính quy của QĐND Việt Nam trong một cuộc chiến hạn chế. Một sĩ quan Mỹ khi tổng kết kinh nghiệm của người Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam, đã ghi nhận rằng không thể “đề xâm nhập, vòng sườn, hoặc bao vây” vị trí cố thủ của quân đội Việt Nam “mà không bị thương vong rất nặng”. Chiến thuật của QGPND, thúc thật nhiều bộ binh tấn công xấp lá cà vào vị trí đối phương bất chấp tử vong cao, đã giải thích tại sao Trung Quốc dám khẳng định rằng quân đội Việt Nam không có khả năng trong phòng thủ bảo vệ vị trí của họ.

Những khó khăn bất ngờ trong tác chiến đã khiến người Trung Quốc rút ra **bài**

**học thứ hai** từ cuộc xung đột liên quan đến tình báo và lập kế hoạch. Thiếu thông tin từ lâu về một đồng minh truyền thống đã là một thách thức lớn cho việc lập kế hoạch chiến tranh và kế hoạch tác chiến của Trung Quốc. Các đánh giá về địa lý và địa hình của miền Bắc Việt Nam của QGPND thường dựa trên các bản đồ và thông tin địa lý đã lỗi thời, trong khi khả năng trinh sát chiến trường lại bị hạn chế. Một trong những sai lầm lớn của quân đội Trung Quốc là đánh giá sai số lượng lực lượng dân quân rất lớn trong dự đoán về sức mạnh quân sự Việt Nam. Kinh nghiệm của QGPND cho thấy, dân quân Việt thể hiện sức đề kháng không hề nao núng và thực hiện các cuộc tấn công bất ngờ hơn vào các quân xâm lược hơn cả bộ đội chính quy QĐND Việt Nam. Lúc đầu các nhà kế hoạch quân sự của QGPND tin rằng họ đã tập hợp được một lực lượng vũ trang vượt trội với tỷ lệ 8:1 để tấn công quân Việt Nam. Nhưng chỉ tính riêng tại khu vực Cao Bằng đã có 40.000 cho đến 50.000 dân quân khiến tỷ lệ lực lượng Trung Quốc chỉ còn hơn Việt Nam là 2:1. Trong suốt chiến dịch, QGPND không bao giờ cho thấy khả năng đè bẹp đối phương bằng mức vượt trội về quân số. Cuộc chiến tranh này còn cho thấy sự khó khăn như thế nào khi thực hiện các chiến dịch quân sự ở nước ngoài nếu dân chúng địa phương được huy động vào việc kháng cự.

**Bài học thứ ba** là về khả năng chiến đấu của QGPND vì đây là lần đầu tiên Trung Quốc áp dụng tác chiến phối hợp với nhiều binh chủng gồm xe tăng, đại bác, bộ binh cùng với một lực lượng không quân và hải quân yểm trợ. Lạc hậu trong binh pháp và chiến thuật khiến quân đội Trung Quốc không thể phối hợp một cách bài bản trong tác chiến. Trong khi đó ở Bắc Kinh, sự ràng buộc chính trị và tư duy quân sự lạc hậu đã bác bỏ phương án yểm trợ tác chiến của không quân. Các lực lượng mặt đất cũng cho thấy sự thiếu đồng bộ giữa bộ binh, xe tăng và các đơn vị pháo binh để có thể triển khai việc phối hợp tác chiến sao cho hiệu quả. Một ví dụ rõ ràng là bộ binh đã không bao giờ được huấn luyện kiến thức đầy đủ về phương án tấn công phối hợp với các đơn vị xe tăng. Lính bộ binh, những người bị buộc bằng dây thừng vào tháp pháo xe tăng để khỏi ngã khi hành quân đã bị mắc kẹt khi bị quân địch bắn hạ. Mặt khác, các đơn vị xe tăng thường phải chiến đấu không có bộ binh tháp tùng và thiếu liên lạc trực tiếp giữa hai bên nên đã phải chịu nhiều thiệt hại và tổn thất khổng lồ. Kinh nghiệm của cuộc chiến tranh 1979 đã dạy cho QGPND bài học giá trị về kỹ năng phối hợp tác chiến đa binh chủng.

**Bài học thứ tư** là về hiệu năng chỉ huy và điều khiển mà phần lớn bắt nguồn từ truyền thống và văn hóa của QGPND. Mỗi quan hệ cá nhân giữa sĩ quan chỉ huy và chiến sĩ, vốn đã được vun trồng trong quá khứ, vẫn tạo nhiều rắc rối trong hàng ngũ QGPND. Khi mà mối quan hệ giữa các cá nhân trở nên quan trọng hơn cả điều lệnh thì chẳng ngạc nhiên khi biết rằng các chỉ huy của Quân Khu Quảng Châu sau này thừa nhận rằng họ cảm thấy khó chịu khi chỉ huy quân sĩ được chuyển từ Quân khu Vũ Hán và Thành Đô đến trong thời gian phục vụ chiến dịch. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng nghe nhiều cấp dưới phàn nàn về phong cách chỉ huy của họ Hứa (Hứa Thế Hữu - ND) vì trước đó ông ta chưa từng chỉ huy họ. QGPND còn gặp khó

khăn do nhiều sĩ quan chưa có kinh nghiệm trận mạc. Mặc dù nhiều sĩ quan có cấp bậc cao hơn và có thâm niên chiến đấu đã được cử đến để chỉ huy các đơn vị cấp thấp hơn để giúp đỡ chấp hành mệnh lệnh, nhưng khả năng tác chiến của QGPND vẫn thất bại vì các sĩ quan cấp thấp vẫn còn thiếu khả năng quyết đoán độc lập và phối hợp tác chiến trong những thời điểm quyết định. Tuy nhiên, cuộc chiến 1979 với Việt Nam đã khai sinh ra một thể hệ mới các cán bộ quân đội Trung Quốc có kinh nghiệm chiến trường, và nhiều người trong số họ hiện nay đang phục vụ tại các vị trí cao cấp của QGPND

QGPND thiếu một hệ thống và cơ cấu cung cấp hậu cần hiện đại, để hỗ trợ cho những chiến dịch quân sự đòi hỏi di chuyển nhanh và ở vùng xa xôi. Các số liệu thống kê cho thấy trung bình mỗi ngày tiêu thụ đạn dược và nhiên liệu là 700 tấn cho mỗi loại. **Hoạt động hậu cần là một lĩnh vực lớn để QGPND rút ra bài học.** Vì không có đầy đủ dự trữ và phương tiện giao thông vận tải, khiến cả Quân khu Quảng Châu và Côn Minh đã phải đặt dưới cùng một hệ thống cung cấp, mà hệ thống đó chẳng bao giờ hoạt động thông suốt và hiệu quả. Một số lượng đáng kể các nguồn cung cấp bị mất hoặc là do quản lý kém hay bị Việt Nam phá hoại. Khi lực lượng của họ tiến sâu hơn vào lãnh thổ Việt Nam, để bảo vệ mình, các sĩ quan hậu cần đã phải rất khó khăn để giữ liên lạc không bị trệch hướng với đại quân. QGPND đã kết luận rằng cần thiết phải tạo ra bộ chỉ huy về giao thông vận tải để đối phó với các vấn đề mà bộ đội của họ đã phải đối mặt trong chiến dịch. Kinh nghiệm này có vẻ vẫn còn giá trị cho Trung Quốc đến tận hôm nay khi cựu phó chỉ huy của Đại học Quốc phòng QGPND Trung Quốc phát biểu tại một hội nghị chuyên đề về “kiểm soát truyền thông” vào năm 2002.

**Bài học cuối cùng** là làm thế nào để có thể diễn giải một học thuyết cũ về chiến tranh nhân dân vào các cuộc xung đột diễn ra bên ngoài biên giới Trung Quốc. Một trong những nguyên tắc của học thuyết chiến tranh nhân dân của Trung Quốc là việc huy động dân thường để hỗ trợ cho chiến tranh. Những kinh nghiệm chiến tranh 1979 đã chỉ ra rằng hầu như không thể đưa một lực lượng khổng lồ QGPND hoạt động ở nước ngoài mà không có sự ủng hộ chiến tranh của nhân dân trong nước. Bộ máy tuyên truyền của Bắc Kinh đã đánh thức lòng yêu nước của công chúng và lòng tự hào về người lính Trung Quốc. Biểu hiện mạnh mẽ của lòng yêu nước đã giúp QGPND nhận được hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động từ người dân sống tại hai tỉnh biên giới. Tại riêng tỉnh Quảng Tây, hơn 215.000 cư dân địa phương đã được huy động để làm người vận chuyển, nhân viên bảo vệ và khuân vác để hỗ trợ tiền tuyến; và hơn 26.000 dân quân từ khu vực biên giới đã thực sự tham gia vào các hoạt động chiến đấu trực tiếp. QGPND vào thời điểm đó chỉ có một hệ thống cung cấp vá víu đòi hỏi các đơn vị phải tự túc hệ thống cung cấp trên chiến trường theo kiểu “hậu cần bán lẻ”. Chính quyền địa phương đã làm mọi việc dễ dàng cho binh lính bằng cách đơn giản hoá thủ tục, giúp họ nhận được đầy đủ vật chất và thực phẩm tươi trong thời gian ngắn nhất có thể. Kinh nghiệm này đã thuyết phục bộ chỉ huy QGPND rằng huy động chính quyền địa phương và dân chúng để hỗ trợ cho một cuộc chiến tranh vẫn là

chìa khóa cho chiến thắng.

Những bài học mà Trung Quốc đã rút ra được từ cuộc chiến 1979 với Việt Nam có thể không được liên lạc, thiếu toàn diện và khó mà khách quan vì QGPND không đánh giá thành công về chiến dịch quân sự của họ trên cơ sở kết quả tác chiến mà là trên cơ sở các tác động của cuộc xung đột đến tình hình chung. Chịu ảnh hưởng sâu sắc lời dạy của Mao là chiến tranh về cơ bản là một vụ kinh doanh chính trị, miễn là Trung Quốc cho là họ đã thành công trong việc đạt được mục tiêu quân sự và chiến lược đề ra, còn các vấn đề gây ra từ thất bại của chiến thuật chỉ là thứ yếu. Đây cũng là lý do tại sao các bài học đó đã có những khác biệt đáng kể so với các nghiên cứu của phương Tây nơi mà nhiều thông tin tương đối khả tín, mặc dầu đôi khi vẫn thấy xuất hiện đây đó một chút thái quá do lạm dụng các nguồn tin hạn chế để kết luận về một vấn đề cực kỳ phức tạp. Các nghiên cứu của QGPND nhìn nhận rằng cuộc Cách Mạng Văn Hóa (1966-1976) đã tạo bất lợi và hủy hoại những truyền thống tốt đẹp của QGPND, và kết quả là, các lực lượng của Trung Quốc thực hành tác chiến tồi tệ trong chiến tranh. Những bài học rút ra của QGPND đã tập trung nhiều vào cấp độ chiến thuật của chiến tranh với sự nhấn mạnh vào chỉ huy và kiểm soát, phối hợp tác chiến giữa các đơn vị, cơ cấu lực lượng và vũ khí hơn là chiến lược và triết lý mang tính học thuyết. Trong quá trình đánh giá kinh nghiệm chiến tranh 1979, QGPND có vẻ như không tìm cách che đậy hoặc bỏ qua thiếu sót về các hạn chế của họ vào thời điểm đó; tuy nhiên họ đã mắc sai lầm khi không đề cập đến những khiếm khuyết trong tư duy quân sự và binh pháp truyền thống.

Các nghiên cứu của phương Tây đã so sánh những bài học mà QGPND đã rút ra từ cuộc chiến Việt-Trung 1979 với việc đánh giá lại vào năm 1985 của ban lãnh đạo Trung Quốc về bản chất của chiến tranh hiện đại và các mối đe dọa đang rình rập Trung Quốc cộng với những nỗ lực tiếp theo để cải tiến và chuyên nghiệp hóa QGPND trong suốt những năm 1980. Bài học Việt Nam đối với QGPND và những cuộc giao tranh vẫn liên tục xảy ra trên biên giới Trung-Việt trong những năm 1980 đã giúp cho cho ban lãnh đạo Trung Quốc phải thực hiện những cuộc chuyển đổi chiến lược từ việc nhấn mạnh đến sự chuẩn bị cho chiến tranh tổng hợp đến việc chuẩn bị cho chiến tranh cục bộ và chiến tranh hạn chế theo xu hướng của thời gian. Trong quá trình chuyển đổi QGPND thành một lực lượng hiện đại vào những năm 1980, có rất ít những nỗ lực được thực hiện nhằm sửa chữa thiếu sót về tư duy quân sự, đó là thái độ luôn luôn coi nhẹ vai trò của của không quân. Kết quả là, nếu có điều gì còn chưa trung thực trong việc rút kinh nghiệm của QGPND thì đó chính là bài học về ưu thế trên không hoặc yểm trợ không quân. Tài liệu của QGPND vẫn cho rằng việc hạn chế khả năng của lực lượng không quân Trung Quốc là lý do chính khiến không quân Việt Nam không tham gia vào xung đột. Nguyên soái Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying) thậm chí còn nhận xét một cách lộ bịch rằng hoạt động giả vờ của không quân Trung Quốc trong cuộc chiến chống lại Việt Nam là một “đòn nghi binh khéo léo trong tác chiến không quân”. Nhận xét đó rõ ràng cho thấy vẫn còn sai lầm trong giới lãnh đạo Trung Quốc khi họ tiếp tục đánh giá chưa cao vai trò quan trọng

của không quân trong chiến tranh hiện đại.

Tuy nhiên, tổng kết các kinh nghiệm của QGPND trong cuộc chiến 1979 với Việt Nam đã cung cấp một cái nhìn hữu ích về việc giới lãnh đạo Trung Quốc trong việc tiếp cận vấn đề chiến tranh và chiến lược như thế nào. Cái nhìn này cũng phù hợp với những phát hiện nằm trong các công trình nghiên cứu gần đây. **Trước tiên**, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã thảo luận và tính toán thời điểm và như thế nào khi sử dụng sức mạnh quân sự, nhưng đã không ngần ngại quyết định khởi chiến khi họ cho rằng lợi ích quốc gia của Trung Quốc đang bị hăm dọa hoặc lâm nguy. **Thứ hai**, QGPND thể hiện quyết tâm giành và giữ thế chủ động tác chiến bằng việc triển khai quân số vượt trội (chiến thuật biển người). **Thứ ba**, ý thức về chiến thắng quân sự của Trung Quốc đặt nhiều hơn vào việc đánh giá kết quả địa chính trị khi đem so với phê phán về hiệu năng tác chiến trên chiến trường. Kể từ sau cuộc chiến 1979 với Việt Nam, QGPND đã tiến hành sửa đổi sâu rộng trong học thuyết quốc phòng, chỉ huy và điều khiển, chiến thuật tác chiến, và cơ cấu lực lượng, trong khi các hoạt động quân sự thế giới cũng đã chuyển đổi đáng kể từ khi cuộc chiến năm 1979. Ngày nay, không ai nghĩ rằng các lực lượng vũ trang của Trung Quốc sẽ lặp lại những gì họ đã làm trong chiến tranh biên giới với Việt Nam. Từ góc độ lịch sử, những nét đặc thù của người Trung Quốc đã bộc lộ trong cuộc chiến 1979 với Việt Nam có thể vẫn còn có giá trị trong các giáo trình của học viện quân sự của Trung Quốc cũng như đối với những người hăng quan tâm đến phương pháp sử dụng sức mạnh quân sự của người Trung Quốc, không chỉ trong quá khứ mà cả với hiện tại và trong tương lai.

*Bản dịch của một cộng tác viên, riêng cho tạp chí Thời Đại Mới.*

© Thời Đại Mới

Trở về trang chủ Thời Đại Mới

8-3-2010